|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học 2018 - 2019** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN : ĐỊA LÍ 8**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Kiểm tra việc lĩnh hội và vận dụng các kiến thức trong chủ đề các khu vực châu Á:

- Về vị trí địa lí, địa hình khoáng sản , khí hậu của khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á

- Đặc điểm dân cư xã hôi của khu vực Tây Nam Á, Nam Á, Đông Á

- Tình hình phát triển kinh tế của các khu vực

- Giải thích một số đặc điểm về sự phân bố mưa, chế độ nước sông của các khu vực

- Giải thích, nhận xét một số đặc điểm dan cư- xã hội của các khu vực

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng làm việc với bảng số liệu

- Kĩ năng tư duy tổng hợp, giải quyết vấn đề, tính toán.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc, cẩn thận, chính xác

- Yêu thích môn học địa lí

**4. Năng lực**

-Tự học, tự giải quyết văn đề

- Tính toán

**II*.* MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Cộng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Khu vực Tây Nam Á** | Biết được đặc điểm khí hậu, dân cư |  | Hiểu được giá trị sông ngòi |  | Liên hệ giải thích về khí hậu, |  | Liên hệ giải thích, vấn đề xã hội |  |  |
| ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ*** | **3**  **0,75**  ***7,5%*** |  | **4**  **1**  **1*0%*** |  | **1**  **0,25**  ***2,5%*** |  | **1**  **0,25**  ***2,5%*** |  | **5**  **2,25**  ***22,5%*** |
| **Khu vực Nam Á** | Biết được đặc điểm vị trí , địa hình, khí hậu và dân cư- kinh tế |  | Hiểu được giá trị sông ngòi, khí hậu, kinh tế |  | Vận dụng để lựa chọn biểu đồ |  |  |  |  |
| ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ*** | **4**  **1 *10%*** | **1**  **3**  ***30%*** | **2**  **0,5**  ***5%*** |  | **1**  **0,25**  ***2,5%*** |  |  |  | **10**  **4,75 *47,5%*** |
| **Khu vực Đông Á** | Biết được vị trí , địa hình, khí hậu và dân cư, đặc điểm cơ bản về KT |  | Hiểu được đặcđiểm dân số , kinh tế |  |  |  | Tính mật độ dân sô, nhận xét |  |  |
| ***Số câu***  ***Số điểm***  ***Tỉ lệ*** | **1**  **0,25**  ***2,5%*** |  | **2**  **0,5**  ***5%*** | **1**  **2**  ***20%*** |  |  | **1**  **0,25**  ***2,5%*** |  | **9**  **3**  ***30%*** |
| **Tổng** | **9**  **5**  **50%** | | **9**  **4**  **40%** | | **4**  **1**  **1*0%*** | | | | **22**  **10**  ***100%*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban Gíám hiệu**  ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học 2018 – 2019**  **Mã đề: ĐL 801** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN : ĐỊA LÍ 8**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả đúng nhất***

**Câu 1:** Quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất Nam Á là:

**A.** Ấn Độ **B.** Xri-lan-ca **C.** Băng – la- đét **D.** Nê - pan

**Câu 2:** **:** Phần lớn Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Ôn đới **C.** Nhiệt đới khô **D.** Núi cao

**Câu 3:** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo tôn giáo nào?

**A.** Cơ đốc giáo **B.** Hồi giáo **C.** Phật giáo **D.** Ấn Độ giáo

**Câu 4:** Tài nguyên quan trọng nhất của khu vựcTây nam Á là:

**A.** dầu mỏ **B.** vàng **C.** than **D.** bạc

**Câu 5:** Đại bộ phận khu vực Nam Á nằm trong đói khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt lục địa **B.** Ôn đới gió mùa

**C.** Nhiệt đới gió mùa **D.** Cận nhiệt gió mùa

**Câu 6:** Con sông nào dài nhất khu vực Đông Á?

**A.** Sông Ấn **B.** Sông A Mua

**C.** Sông Hằng **D.** Sông Trường Giang

**Câu 7:** Khu vực Nam Á được chia thành mấy miền địa hình?

**A.** 4 **B.** 5 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 8:** Dân cư khu vực Nam Á chủ yếu theo 2 tôn giáo là:

**A.** Ấn Độ giáo và Thiên chúa giáo **B.** Ấn Độ giáo và Hồi giáo

**C.** Ấn Độ giáo và Phật giáo **D.** Hồi giáo và Phật giáo

**Câu 9:** Nhân tố đóng vai trò quan trọng đối với sự phân hóa khí hậu khu vực Nam Á

**A.** Sông ngòi **B.** Vị trí địa lí **C.** Đất đai **D.** Địa hình

**Câu 10:** Ý nào sau đây **không đúng** với giá trị sông Ti-grơ và Ơ – phơ – rát

**A.** Thủy điện **B.** Giao thông

**C.** Bồi đắp phù sa **D.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản

**Câu 11:** Nước sông của khu vực Tây Nam Á được cung cấp từ:

**A.** Nước ngầm từ trong núi ra **B.** Nước mưa

**C.** Nước băng tuyết tan **D.** Nước ngầm

**Câu 12:** Nước nào sau đây là nước có nền công nghiệp phát triển cao?

**A.** Nhật Bản **B.** Trung Quốc **C.** Hàn Quốc **D.** Đài Loan

**Câu 13:** Cảnh quan phát triển chủ yếu ở khu vực Nam Á là:

**A.** Xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**B.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**C.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, cảnh quan núi cao

**D.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc , thảo nguyên

**Câu 14:** Tây Nam Á tiếp giáp với một đại dương duy nhất là:

**A.** Thái Bình Dương **B.** Ấn Độ Dương **C.** Đại Tây Dương **D.** Bắc Băng Dương

**Câu 15:** Những nước được xem là nước công nghiệp mới, con rồng châu Á là:

**A.** Hàn Quốc, Đài Loan **B.** Trung Quốc, Nhật Bản

**C.** Trung Quốc, Triều Tiên **D.** Nhật Bản, Triều Tiên

**Câu 16:** Khu vực có số dân đông nhất thế giới là

**A.** Bắc Phi **B.** Tây Âu **C.** Đông Á **D.** Nam Á

**Câu 17**: Khu vực Tây Nam Á cùng có vĩ độ tương đương với nước ta nhưng khí hậu lại khô hạn và hình thành nhiều hoang mạc vì:

**A**. Nằm trên đường chí tuyến và có địa hình có nhiều núi bao quanh .

**B.** Lãnh thổ có diện tích rộng lớn và nằm trên đường chí tuyến

**C**. Có nhiều núi cao, lãnh thổ rộng lớn.

**D**. Tây Nam Á tiếp giáp với châu Phi.

**Câu 18**: Hiện nay khó khăn lớn nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội các nước Tây Nam Á là:

**A**. Thiên tai khắc nghiệt

**B**. Trình độ dân trí thấp

**C**. Sự bao vây cấm vận của các nước phát triển

**D.** Sự không ổn định về chính trị

**Câu 19**: Cho bảng số liệu về diện tích và số dân của một sô khu vực châu Á năm 2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực | Diện tích ( nghìn km2) | Số dân ( triệu người) |
| Đông Á | 11762 | 1594,0 |
| Nam Á | 4489 | 1806,0 |
| Đông Nam Á | 4495 | 612,0 |
| Trung Á | 4002 | 66,4 |
| Tây Nam Á | 7006 | 313,4 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

**A**. Đông Á có diện tích lớn nhất châu lục

**B**. Đông Á có số dân cao thứ hai châu lục .

**C**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ ba châu lục

**D**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ tư châu lục

**Câu 20**: Cho bảng số liệu cơ cấu GDP của Ấn Độ qua các năm *( Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm  Khu vực | 2001 | 2013 |
| Nông nghiệp | 25,0 | 18,0 |
| Công nghiệp | 27,0 | 30,7 |
| Dịch vụ | 48,0 | 51,3 |

Để thể hiệncơ cấu GDP của Ấn Độ giai đoạn 2001 – 2013 biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất:

**A**. Biểu đồ tròn  **B**. Biểu đồ cột

**C**. Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ miền

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (2 điểm) :** Hãy phân biệt sự khác nhâu về địa hình giữa phần đất liền và hải đảo của khu vực của khu vực Đông Á ?

**Câu 2 (3 điểm):** Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Nam Á?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học 2018 – 2019**  **Mã đề: ĐL 802** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN : ĐỊA LÍ 8**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả đúng nhất***

**Câu 1:** Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Ôn đới **C.** Nhiệt đới khô **D.** Núi cao

**Câu 2:** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo tôn giáo nào?

**A.** Hồi giáo **B.** Cơ đốc giáo **C.** Phật giáo **D.** Ấn Độ giáo

**Câu 3:** Quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất Nam Á là:

**A.** Xri-lan-ca **B.** Ấn Độ **C.** Băng – la- đét **D.** Nê - pan

**Câu 4:** Dân cư khu vực Nam Á chủ yếu theo 2 tôn giáo là:

**A.** Ấn Độ giáo và Thiên chúa giáo **B.** Hồi giáo và Phật giáo

**C.** Ấn Độ giáo và Hồi giáo **D.** Ấn Độ giáo và Phật giáo

**Câu 5:** Con sông nào dài nhất khu vực Đông Á?

**A.** Sông Ấn **B.** Sông A Mua

**C.** Sông Hằng **D.** Sông Trường Giang

**Câu 6:** Khu vực Nam Á được chia thành mấy miền địa hình?

**A.** 4 **B.** 5 **C.** 2 **D.** 3

**Câu 7:** Tài nguyên quan trọng nhất của khu vực Tây nam Á là:

**A.** dầu mỏ **B.** vàng **C.** than **D.** bạc

**Câu 8:** Đại bộ phận khu vực Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Nhiệt đới gió mùa

**C.** Ôn đới gió mùa **D.** Cận nhiệt lục địa

**Câu 9:** Ý nào sau đây **không đúng** với giá trị sông Ti-grơ và Ơ – phơ – rát

**A.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản **B.** Thủy điện

**C.** Bồi đắp phù sa **D.** Giao thông

**Câu 10:** Nước sông của khu vực Tây Nam Á được cung cấp từ:

**A.** Nước ngầm từ trong núi ra **B.** Nước mưa

**C.** Nước băng tuyết tan **D.** Nước ngầm

**Câu 11:** Nhân tố đóng vai trò quan trọng đối với sự phân hóa khí hậu khu vực Nam Á

**A.** Vị trí địa lí **B.** Sông ngòi **C.** Đất đai **D.** Địa hình

**Câu 12:** Khu vực có số dân đông nhất thế giới là

**A.** Bắc Phi **B.** Nam Á **C.** Tây Âu **D.** Đông Á

**Câu 13:** Tây Nam Á tiếp giáp với một đại dương duy nhất là:

**A.** Thái Bình Dương **B.** Ấn Độ Dương **C.** Đại Tây Dương **D.** Bắc Băng Dương

**Câu 14:** Những nước được xem là nước công nghiệp mới, con rồng châu Á là:

**A.** Hàn Quốc, Đài Loan **B.** Trung Quốc, Nhật Bản

**C.** Trung Quốc, Triều Tiên **D.** Nhật Bản, Triều Tiên

**Câu 15:** Nước nào sau đây là nước có nền công nghiệp phát triển cao?

**A.** Trung Quốc **B.** Nhật Bản **C.** Hàn Quốc **D.** Đài Loan

**Câu 16:** Cảnh quan phát triển chủ yếu ở khu vực Nam Á là:

**A.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc , thảo nguyên

**B.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, cảnh quan núi cao

**C.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**D.** Xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**Câu 17**: Khu vực Tây Nam Á cùng có vĩ độ tương đương với nước ta nhưng khí hậu lại khô hạn và hình thành nhiều hoang mạc vì:

**A.** Lãnh thổ có diện tích rộng lớn và nằm trên đường chí tuyến

**B**. Có nhiều núi cao, lãnh thổ rộng lớn.

**C**. Tây nam Á tiếp giáp với châu Phi.

**D**. Nằm trên đường chí tuyến và có địa hình có nhiều núi bao quanh

**Câu 18**: Hiện nay khó khăn lớn nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội các nước Tây Nam Á là:

**A**. Thiên tai khắc nghiệt

**B**. Trình độ dân trí thấp

**C.** Sự không ổn định về chính trị

**D**. Sự bao vây cấm vận của các nước phát triển

**Câu 19**: Cho bảng số liệu cơ cấu GDP của Ấn Độ qua các năm *( Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm  Khu vực | 2001 | 2013 |
| Nông nghiệp | 25,0 | 18,0 |
| Công nghiệp | 27,0 | 30,7 |
| Dịch vụ | 48,0 | 51,3 |

Để thể hiệncơ cấu GDP của Ấn Độ giai đoạn 2001 – 2013 biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất:

**A**. Biểu đồ tròn  **B**. Biểu đồ cột

**C**. Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ miền

**Câu 20**: Cho bảng số liệu về diện tích và số dân của một sô khu vực châu Á năm 2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực | Diện tích ( nghìn km2) | Số dân ( triệu người) |
| Đông Á | 11762 | 1594,0 |
| Nam Á | 4489 | 1806,0 |
| Đông Nam Á | 4495 | 612,0 |
| Trung Á | 4002 | 66,4 |
| Tây Nam Á | 7006 | 313,4 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

**A**. Đông Á có diện tích lớn nhất châu lục

**B**. Đông Á có số dân cao thứ hai châu lục .

**C**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ ba châu lục

**D**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ tư châu lục

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (2 điểm) :** Hãy phân biệt sự khác nhâu về địa hình giữa phần đất liền và hải đảo của khu vực của khu vực Đông Á ?

**Câu 2 (3 điểm):** Trình bày đặc điểm địa hình của khu vực Nam Á?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học 2018 – 2019**  **Mã đề: ĐL 803** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN : ĐỊA LÍ 8**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả đúng nhất***

**Câu 1:** Dân cư khu vực Nam Á chủ yếu theo 2 tôn giáo là:

**A.** Ấn Độgiáo và Thiên chúa giáo **B.** Hồi giáo và Phật giáo

**C.** Ấn Độ giáo và Phật giáo **D.** Ấn Độ giáo và Hồi giáo

**Câu 2:** Tài nguyên quan trọng nhất của khu vực Tây Nam Á là:

**A.** dầu mỏ **B.** vàng **C.** than **D.** bạc

**Câu 3:** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo tôn giáo nào?

**A.** Phật giáo **B.** Hồi giáo **C.** Ấn Độ giáo **D.** Cơ đốc giáo

**Câu 4:** Khu vực Nam Á được chia thành mấy miền địa hình?

**A.** 2 **B.** 4 **C.** 3 **D.** 5

**Câu 5:** Quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất Nam Á là:

**A.** Xri-lan-ca **B.** Nê - pan **C.** Ấn Độ **D.** Băng – la- đét

**Câu 6:** **:** Phần lớn Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đói khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Ôn đới **C.** Nhiệt đới khô **D.** Núi cao

**Câu 7:** Con sông nào dài nhất khu vực Đông Á?

**A.** Sông Ấn **B.** Sông A Mua

**C.** Sông Hằng **D.** Sông Trường Giang

**Câu 8:** Đại bộ phận khu vực Nam Á nằm trong đới khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Nhiệt đới gió mùa

**C.** Ôn đới gió mùa **D.** Cận nhiệt lục địa

**Câu 9:** Khu vực có số dân đông nhất thế giới là

**A.** Bắc Phi **B.** Nam Á **C.** Đông Á **D.** Tây Âu

**Câu 10:** Nước nào sau đây là nước có nền công nghiệp phát triển cao ?

**A.** Trung Quốc **B.** Nhật Bản **C.** Hàn Quốc **D.** Đài Loan

**Câu 11:** Nước sông của khu vực Tây Nam Á được cung cấp từ:

**A.** Nước băng tuyết tan **B.** Nước ngầm từ trong núi ra

**C.** Nước ngầm **D.** Nước mưa

**Câu 12:** Những nước được xem là nước công nghiệp mới, con rồng châu Á là:

**A.** Trung Quốc, Triều Tiên **B.** Nhật Bản, Triều Tiên

**C.** Trung Quốc, Nhật Bản **D.** Hàn Quốc, Đài Loan

**Câu 13:** Nhân tố đóng vai trò quan trọng đối với sự phân hóa khí hậu khu vực Nam Á

**A.** Vị trí địa lí **B.** Địa hình **C.** Sông ngòi **D.** Đất đai

**Câu 14:** Ý nào sau đây **không đúng** với giá trị sông Ti-grơ và Ơ – phơ – rát

**A.** Thủy điện **B.** Giao thông

**C.** Bồi đắp phù sa **D.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản

**Câu 15:** Tây Nam Á tiếp giáp với một đại dương duy nhất là:

**A.** Ấn Độ Dương **B.** Thái Bình Dương **C.** Đại Tây Dương **D.** Bắc Băng Dương

**Câu 16:** Cảnh quan phát triển chủ yếu ở khu vực Nam Á là:

**A.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc , thảo nguyên

**B.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, cảnh quan núi cao

**C.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**D.** Xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**Câu 17**: Hiện nay khó khăn lớn nhất đối với sự phát triển kinh tế - xã hội các nước Tây Nam Á là:

**A**. Thiên tai khắc nghiệt

**B**. Trình độ dân trí thấp

**C**. Sự bao vây cấm vận của các nước phát triển

**D.** Sự không ổn định về chính trị

**Câu 18**: Khu vực Tây Nam Á cùng có vĩ độ tương đương với nước ta nhưng khí hậu lại khô hạn và hình thành nhiều hoang mạc vì:

**A**. Nằm trên đường chí tuyến và có địa hình có nhiều núi bao quanh .

**B.** Lãnh thổ có diện tích rộng lớn và nằm trên đường chí tuyến

**C**. Có nhiều núi cao, lãnh thổ rộng lớn.

**D**. Tây nam Á tiếp giáp với châu Phi.

**Câu 19**: Cho bảng số liệu cơ cấu GDP của Ấn Độ qua các năm *( Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm  Khu vực | 2001 | 2013 |
| Nông nghiệp | 25,0 | 18,0 |
| Nông nghiệp | 27,0 | 30,7 |
| Dịch vụ | 48,0 | 51,3 |

Để thể hiệncơ cấu GDP của Ấn Độ giai đoạn 2001 – 2013 biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất:

**A**. Biểu đồ tròn  **B**. Biểu đồ tcột

**C**. Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ miền

**Câu 20**: Cho bảng số liệu về diện tích và số dân của một sô khu vực châu Á năm 2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực | Diện tích ( nghìn km2) | Số dân ( triệu người) |
| Đông Á | 11762 | 1594,0 |
| Nam Á | 4489 | 1806,0 |
| Đông Nam Á | 4495 | 612,0 |
| Trung Á | 4002 | 66,4 |
| Tây Nam Á | 7006 | 313,4 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

**A**. Đông Á có diện tích lớn nhất châu lục

**B**. Đông Á có số dân cao thứ hai châu lục .

**C**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ ba châu lục

**D**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ 4 châu lục

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (2 điểm) :** Hãy phân biệt sự khác nhau về khí hậu giữa phần đất liền và hải đảo của khu vực của khu vực Đông Á ?

**Câu 2 (3 điểm):** Trình bày đặc điểm dân cư của khu vực Nam Á?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học 2018 – 2019**  **Mã đề: ĐL 804** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN : ĐỊA LÍ 8**  *Thời gian làm bài : 45 phút*  *Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả đúng nhất***

**Câu 1:** Dân cư khu vực Nam Á chủ yếu theo 2 tôn giáo là:

**A.** Ấn Độ giáo và Hồi giáo **B.** Ấn Độ giáo và Phật giáo

**C.** Hồi giáo và Phật giáo **D.** Ấn Độgiáo và Thiên chúa giáo

**Câu 2:** Phần lớn dân cư Tây Nam Á theo tôn giáo nào?

**A.** Ấn Độ giáo **B.** Phật giáo **C.** Hồi giáo **D.** Cơ đốc giáo

**Câu 3:** Đại bộ phận khu vực Nam Á nằm trong đói khí hậu nào?

**A.** Cận nhiệt gió mùa **B.** Cận nhiệt lục địa

**C.** Ôn đới gió mùa **D.** Nhiệt đới gió mùa

**Câu 4:** Quốc gia có nền kinh tế phát triển nhất Nam Á là:

**A.** Xri-lan-ca **B.** Nê - pan **C.** Ấn Độ **D.** Băng – la- đét

**Câu 5:** Tài nguyên quan trọng nhất của khu vực Tây Nam Á là:

**A.** vàng **B.** dầu mỏ **C.** than **D.** bạc

**Câu 6:** Con sông nào dài nhất khu vực Đông Á?

**A.** Sông Ấn **B.** Sông A Mua

**C.** Sông Hằng **D.** Sông Trường Giang

**Câu 7:** Phần lớn Tây Nam Á nằm trong đới hay kiểu đới khí hậu nào?

**A.** Nhiệt đới khô **B.** Ôn đới **C.** Cận nhiệt gió mùa **D.** Núi cao

**Câu 8:** Khu vực Nam Á được chia thành mấy miền địa hình?

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 9:** Khu vực có số dân đông nhất thế giới là:

**A.** Tây Âu **B.** Nam Á **C.** Đông Á **D.** Bắc Phi

**Câu 10:** Nước sông của khu vực Tây Nam Á được cung cấp từ:

**A.** Nước ngầm **B.** Nước băng tuyết tan

**C.** Nước ngầm từ trong núi ra **D.** Nước mưa

**Câu 11:** Cảnh quan phát triển chủ yếu ở khu vực Nam Á là:

**A.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc , thảo nguyên

**B.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, cảnh quan núi cao

**C.** Rừng nhiệt đới ẩm, xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**D.** Xa van, hoang mạc và cảnh quan núi cao

**Câu 12:** Nhân tố đóng vai trò quan trọng đối với sự phân hóa khí hậu khu vực Nam Á

**A.** Vị trí địa lí **B.** Địa hình **C.** Sông ngòi **D.** Đất đai

**Câu 13:** Nước nào sau đây là nước có nền công nghiệp phát triển cao ?

**A.** Nhật Bản **B.** Trung Quốc **C.** Hàn Quốc **D.** Đài Loan

**Câu 14:** Tây Nam Á tiếp giáp với một đại dương duy nhất là:

**A.** Ấn Độ Dương **B.** Thái Bình Dương **C.** Đại Tây Dương **D.** Bắc Băng Dương

**Câu 15:** Ý nào sau đây **không đúng** với giá trị sông Ti-grơ và Ơ – phơ – rát

**A.** Thủy điện **B.** Giao thông

**C.** Bồi đắp phù sa **D.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản

**Câu 16:** Những nước được xem là nước công nghiệp mới, con rồng châu Á là:

**A.** Nhật Bản, Triều Tiên **B.** Trung Quốc, Triều Tiên

**C.** Trung Quốc, Nhật Bản **D.** Hàn Quốc, Đài Loan

**Câu 17**: Khu vực Tây Nam Á cùng có vĩ độ tương đương với nước ta nhưng khí hậu lại khô hạn và hình thành nhiều hoang mạc vì:

**A.** Lãnh thổ có diện tích rộng lớn và nằm trên đường chí tuyến

**B**. Nằm trên đường chí tuyến và có địa hình có nhiều núi bao quanh .

**C**. Có nhiều núi cao, lãnh thổ rộng lớn.

**D**. Tây nam Á tiếp giáp với châu Phi.

**Câu 18**: Hiện nay khó khăn lớn nhất đối với sự phát trienr kinh tế - xã hội các nước Tây Nam Á là:

**A**. Trình độ dân trí thấp

**B**. Sự bao vây cấm vận của các nước phát triển

**C.** Sự không ổn định về chính trị

**D**. Thiên tai khắc nghiệt

**Câu 19**: Cho bảng số liệu về diện tích và số dân của một sô khu vực châu Á năm 2013

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Khu vực | Diện tích ( nghìn km2) | Số dân ( triệu người) |
| Đông Á | 11762 | 1594,0 |
| Nam Á | 4489 | 1806,0 |
| Đông Nam Á | 4495 | 612,0 |
| Trung Á | 4002 | 66,4 |
| Tây Nam Á | 7006 | 313,4 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

**A**. Đông Á có diện tích lớn nhất châu lục

**B**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ tư châu lục

**C**. Đông Á có số dân cao thứ hai châu lục .

**D**. Đông Á có mật độ số dân cao thứ ba châu lục

**Câu 20**: Cho bảng số liệu cơ cấu GDP của Ấn Độ qua các năm *( Đơn vị: %)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năm  Khu vực | 2001 | 2013 |
| Nông nghiệp | 25,0 | 18,0 |
| Công nghiệp | 27,0 | 30,7 |
| Dịch vụ | 48,0 | 51,3 |

Để thể hiệncơ cấu GDP của Ấn Độ giai đoạn 2001 – 2013 biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất:

**A**. Biểu đồ cột **B**. Biểu đồ tròn

**C**. Biểu đồ đường **D.** Biểu đồ miền

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (2 điểm) :** Hãy phân biệt sự khác nhau về khí hậu giữa phần đất liền và hải đảo của khu vực của khu vực Đông Á ?

**Câu 2 (3 điểm):** Trình bày đặc điểm địa hình của khu vực Nam Á?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **Mã đề : ĐL801** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1A | 2C | 3B | 4A | 5C | 6D | 7D | 8B | 9D | 10D | | 11C | 12A | 13B | 14B | 15A | 16C | 17A | 18D | 19D | 20A | | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ** |
| **II. Tự luận**  **( 5 đ))** | **Câu 1 (2 đ)** | **a.Phần đất liền**  - Ở phía Tây Trung Quốc gồm các hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở, các bồn địa rộng  - Ở phía đông Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên là các vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng  **b. Phần hải đảo**  - Nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương  - Là miền núi trẻ có nhiều động đất núi lửa hoạt động mạnh | **0,5 đ**  **0, 5 đ**  **0,5đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 2 (3 đ)** | - Số dân: 1,808 tỷ người ( năm 2013) - Là khu vực đông dân nhất châu lục  - Mật độ dân số cao nhất thế giới: 402 người/km2  - Dân cư phân bố không đều :  + tập trung đông ở đồng bằng , những khu vực có mưa, ven biển  + thưa ở các vùng Tây Bắc, trên sơn nguyên Đê - Can  - Dân cư chủ yếu theo Ấn Độ giáo và Hồi giáo | **0,5 đ**  **0,5 đ**  **0,5đ**  **0,5 đ**  **0,5 đ**  **0,5 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt**  ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **Mã đề : ĐL802** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1C | 2A | 3B | 4C | 5D | 6D | 7A | 8B | 9A | 10C | | 11D | 12D | 13B | 14A | 15B | 16C | 17D | 18C | 19A | 20D | | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ** |
| **II. Tự luận**  **( 5 đ))** | **Câu 1 (2 đ)** | **a.Phần đất liền**  - Ở phía Tây Trung Quốc gồm các hệ thống núi, sơn nguyên cao hiểm trở, các bồn địa rộng  - Ở phía đông Trung Quốc và bán đảo Triều Tiên là các vùng đồi núi thấp xen các đồng bằng rộng  **b. Phần hải đảo**  - Nằm trong vành đai lửa Thái Bình Dương  - Là miền núi trẻ có nhiều động đất núi lửa hoạt động mạnh | **0,5 đ**  **0, 5 đ**  **0,5đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 2 (3 đ)** | - Cã ba miÒn ®Þa h×nh kh¸c nhau :  + Phía Bắc là hệ thống núi Hy ma lay a cao đồ sộ chạy theo hướng TB - ĐN kéo dài gần 2600km , rộng TB từ 320 - 400 km, gồm nhiều dãy núi chạy song song  + Ở giữa là đồng bằng Ấn Hằng rộng và bằng phẳng nhất lục địa Á- Âu dài 3000 km và rộng 250 – 350 km  + Phía Nam là sơn nguyên Đê Can với 2 rìa được nâng cao tạo thành dãy Gat Tây và Gat Đông | **0.25đ**  **1 đ**  **1đ**  **0,,75đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt**  ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm Chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **Mã đề : ĐL803** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1D | 2A | 3B | 4C | 5C | 6C | 7D | 8B | 9C | 10B | | 11A | 12D | 13B | 14D | 15A | 16C | 17D | 18A | 19A | 20D | | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ** |
| **II. Tự luận**  **( 5 đ))** | **Câu 1 (2 đ)** | - Nửa phía đông và phần hải đảo trong năm có 2 mùa gió khác nhau  + Mùa đôngcó gió Tây Bắc thời tiết khô lạnh( riêng Nhật Bản vẫn có mưa do gió Tây bắc đi qua biển)  + Mùa hạ có gió mùa Đông Nam từ biển thổi vào , thời tiết mát mẻ, ẩm và mưa nhiều  - Nửa phía Tây phần đất liền có khí hậu khô hạn quanh năm | **0,5 đ**  **0, 5 đ**  **0, 5 đ**  **0,5đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 2 (3 đ)** | - Số dân: 1,808 tỷ người ( năm 2013) - Là khu vực đông dân nhất châu lục  - Mật độ dân số cao nhất thế giới: 402 người/km2  - Dân cư phân bố không đều :  + tập trung đông ở đồng bằng , những khu vực có mưa, ven biển  + thưa ở các vùng Tây Bắc, trên sơn nguyên Đê - Can  - Dân cư chủ yếu theo Ấn Độ giáo và Hồi giáo | **0,5 đ**  **0, 5 đ**  **0,5 đ**  **0,5 đ**  **0,5 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt**  ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm Chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH**  **Năm học: 2018 – 2019**  **Mã đề : ĐL804** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**  **MÔN: ĐỊA LÍ 8** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | 1D | 2C | 3D | 4C | 5B | 6D | 7A | 8B | 9C | 10B | | 11C | 12B | 13A | 14A | 15D | 16D | 17B | 18C | 19B | 20B | | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ** |
| **II. Tự luận**  **( 5 đ))** | **Câu 1 (2 đ)** | - Nửa phía đông và phần hải đảo trong năm có 2 mùa gió khác nhau  + Mùa đông có gió Tây Bắc thời tiết khô lạnh( riêng Nhật Bản vẫn có mưa do gió Tây bắc đi qua biển)  + Mùa hạ có gió mùa Đông Nam từ biển thổi vào , thời tiết mát mẻ, ẩm và mưa nhiều  - Nửa phíaTây phần đất liền có khí hậu khô hạn quanh năm | **0,5 đ**  **0,5 đ**  **0,5đ**  **0,5 đ** |
| **Câu 2 (3 đ)** | - Cã ba miÒn ®Þa h×nh kh¸c nhau :  + Phía Bắc là hệ thống núi Hy ma lay a cao đồ sộ chạy theo hướng TB - ĐN kéo dài gần 2600km , rộng TB từ 320 - 400 km, gồm nhiều dãy núi chạy song song  + Ở giữa là đồng bằng Ấn Hằng rộng và bằng phẳng nhất lục địa Á- Âu dài 3000 km và rộng 250 – 350 km  + Phía Nam là sơn nguyên Đê Can với 2 rìa được nâng cao tạo thành dãy Gat Tây và Gat Đông | **0.25đ**  **1 đ**  **1đ**  **0,,75đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt**  ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn**  ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |